ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2024

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đăng ký
A	**SAU ĐẠI HỌC**			**555**
1	**Tiến sĩ**			**45**
1.1	**Tiến sĩ chính quy**			**45**
1.1.1	***Khoa học xã hội và hành vi***			***15***
1.1.1.1	Quản lý kinh tế	9310110	Khoa học xã hội và hành vi	15
1.1.2	***Kinh doanh và quản lý***			***25***
1.1.2.1	Quản trị kinh doanh	9340101	Kinh doanh và quản lý	25
1.1.3	***Nông, lâm nghiệp và thủy sản***			***5***
1.1.3.1	Kinh tế nông nghiệp	9620115	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	5
2	**Thạc sĩ**			**510**
2.1	**Thạc sĩ chính quy**			**510**
2.1.1	***Khoa học xã hội và hành vi***			***320***
2.1.1.1	Kinh tế phát triển	8310105	Khoa học xã hội và hành vi	30
2.1.1.2	Quản lý kinh tế	8310110	Khoa học xã hội và hành vi	290
2.1.2	***Kinh doanh và quản lý***			***180***
2.1.2.1	Quản trị kinh doanh	8340101	Kinh doanh và quản lý	150
2.1.2.2	Kế toán	8340301	Kinh doanh và quản lý	30
2.1.3	***Nông, lâm nghiệp và thủy sản***			***10***
2.1.3.1	Kinh tế nông nghiệp	8620115	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10
B	**ĐẠI HỌC**			**3620**
3	**Đại học chính quy**			**3108**
3.1	**Chính quy**			**2650**
3.1.1	**Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học**			**0**
3.1.2	**Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)**			**2650**
3.1.2.1	***Khoa học xã hội và hành vi***			***230***
3.1.2.1.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	100
3.1.2.1.2	Kinh tế đầu tư	7310104	Khoa học xã hội và hành vi	80
3.1.2.1.3	Kinh tế phát triển	7310105	Khoa học xã hội và hành vi	50
3.1.2.2	***Công nghệ kỹ thuật***			***150***
3.1.2.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	150
3.1.2.3	***Kinh doanh và quản lý***			***1620***
3.1.2.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	330
3.1.2.3.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	250
3.1.2.3.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh và quản lý	80
3.1.2.3.4	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	230
3.1.2.3.5	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	600
3.1.2.3.6	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	80
3.1.2.3.7	Quản trị nhân lực	7340404	Kinh doanh và quản lý	50
3.1.2.4	***Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân***			***100***
3.1.2.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	100
3.1.2.5	***Pháp luật***			***550***
3.1.2.5.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	550

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đăng ký
3.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**			**117**
3.2.1	***Khoa học xã hội và hành vi***			***6***
3.2.1.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	6
3.2.2	***Công nghệ kỹ thuật***			***10***
3.2.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	10
3.2.3	***Kinh doanh và quản lý***			***75***
3.2.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	10
3.2.3.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	10
3.2.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	10
3.2.3.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	40
3.2.3.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	5
3.2.4	***Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân***			***6***
3.2.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	6
3.2.5	***Pháp luật***			***20***
3.2.5.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	20
3.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**			**152**
3.3.1	***Khoa học xã hội và hành vi***			***6***
3.3.1.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	6
3.3.2	***Công nghệ kỹ thuật***			***10***
3.3.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	10
3.3.3	***Kinh doanh và quản lý***			***99***
3.3.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	27
3.3.3.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	10
3.3.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	16
3.3.3.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	40
3.3.3.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	6
3.3.4	***Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân***			***7***
3.3.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	7
3.3.5	***Pháp luật***			***30***
3.3.5.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	30
3.4	**Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**			**189**
3.4.1	***Khoa học xã hội và hành vi***			***8***
3.4.1.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	8
3.4.2	***Công nghệ kỹ thuật***			***10***
3.4.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	10
3.4.3	***Kinh doanh và quản lý***			***104***
3.4.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	29
3.4.3.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	10
3.4.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	20
3.4.3.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	40
3.4.3.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	5
3.4.4	***Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân***			***7***
3.4.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	7
3.4.5	***Pháp luật***			***60***
3.4.5.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	60

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đăng ký
4	**Đại học vừa làm vừa học**			**512**
4.1	**Vừa làm vừa học**			**124**
4.1.1	***Khoa học xã hội và hành vi***			***12***
4.1.1.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	12
4.1.2	***Công nghệ kỹ thuật***			***6***
4.1.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	6
4.1.3	***Kinh doanh và quản lý***			***64***
4.1.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	10
4.1.3.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	5
4.1.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	10
4.1.3.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	30
4.1.3.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	9
4.1.4	***Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân***			***12***
4.1.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	12
4.1.5	***Pháp luật***			***30***
4.1.5.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	30
4.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**			**60**
4.2.1	***Khoa học xã hội và hành vi***			***3***
4.2.1.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	3
4.2.2	***Công nghệ kỹ thuật***			***4***
4.2.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	4
4.2.3	***Kinh doanh và quản lý***			***30***
4.2.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	5
4.2.3.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	7
4.2.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	5
4.2.3.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	10
4.2.3.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	3
4.2.4	***Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân***			***3***
4.2.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	3
4.2.5	***Pháp luật***			***20***
4.2.5.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	20
4.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**			**74**
4.3.1	***Khoa học xã hội và hành vi***			***3***
4.3.1.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	3
4.3.2	***Công nghệ kỹ thuật***			***5***
4.3.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	5
4.3.3	***Kinh doanh và quản lý***			***50***
4.3.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	5
4.3.3.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	8
4.3.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	9
4.3.3.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	26
4.3.3.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	2
4.3.4	***Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân***			***3***
4.3.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	3
4.3.5	***Pháp luật***			***13***

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đăng ký
4.3.5.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	13
4.4	**Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**			**254**
4.4.1	***Khoa học xã hội và hành vi***			***12***
4.4.1.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	12
4.4.2	***Công nghệ kỹ thuật***			***15***
4.4.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	15
4.4.3	***Kinh doanh và quản lý***			***149***
4.4.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	30
4.4.3.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	10
4.4.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	27
4.4.3.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	72
4.4.3.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	10
4.4.4	***Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân***			***12***
4.4.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	12
4.4.5	***Pháp luật***			***66***
4.4.5.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	66

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

PGS.TS. Đinh Hồng Linh